

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TỊNH BIÊN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 30/2024/DS-ST
Ngày: 27 - 6 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỊNH BIÊN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phí Thị Phương Nhung.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Hoàng, bà Lương Thị Hoàng Kim.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Tiên, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Kim Chi, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2024/TLST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2024/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2024/QĐST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T1; địa chỉ trụ sở: 67, ĐX I, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn L, chức vụ: Chủ tịch công ty kiêm giám đốc, là người đại diện theo pháp luật; ông Nguyễn Thanh C, sinh năm 1976, là người đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 28/11/2023; (ông L, vắng mặt; ông C, có mặt).

Bị đơn: Ông Chanh Vúth T, sinh năm 1979; nơi cư trú: tổ A, ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang; (vắng mặt).

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh C trình bày: Năm 2018, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T1 (sau đây gọi tắt là Công ty) có bán phân bón cho ông C1 Vúth Thi để ông T bán lại cho nông dân; việc thỏa thuận mua bán phân bón giữa các bên có lập thành hợp đồng. Tính đến

ngày 17-11-2019, ông T còn nợ tiền mua bán phân bón của Công ty là 55.100.000 đồng nên hai bên có lập Biên bản đối chiếu công nợ cùng ngày 17-11-2019 và xác định công nợ sẽ trả dứt điểm đến hết ngày 31-12-2019, khi lập biên bản đối chiếu công nợ đã hủy bỏ các hợp đồng mua bán trước đó. Đến hạn thanh toán, Công ty nhiều lần yêu cầu ông T thực hiện nghĩa vụ thanh toán nhưng ông T né tránh, không thực hiện. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ mua bán phân bón 55.100.000 đồng và lãi suất chậm trả tính từ ngày 11-7-2019 đến ngày 20-12-2023 là 45.917.000 đồng, tổng cộng 101.017.000 đồng; đồng thời yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi Tòa án xét xử xong.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn thay đổi yêu cầu, theo đó, yêu cầu bị đơn trả nợ mua bán phân bón 55.100.000 đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định pháp luật (10%/năm) từ ngày ông T xác nhận nợ 17-11-2019 cho đến ngày Tòa án xét xử vụ án.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện: giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T1 (bản photo có đóng dấu treo của nguyên đơn); Biên bản đối chiếu công nợ ngày 17-11-2019 có chữ ký đề họ tên đại diện bên B Chanh Vúth Thi (bản chính).

Bị đơn ông Chanh Vúth T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn xác định không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm; yêu cầu bị đơn trả nợ mua bán phân bón 55.100.000 đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định pháp luật (10%/năm) từ ngày 01-01-2020 cho đến ngày Tòa án xét xử vụ án.

- Ý kiến Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Chanh Vúth T chưa thực hiện nghĩa vụ tố tụng theo luật định, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ và lời khai đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 430, 440, 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn ông Chanh Vúth T có trách nhiệm trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một

thành viên T1 số tiền nợ mua bán phân bón 55.100.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán là 10%/năm từ ngày 01-01-2020 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T1 khởi kiện yêu cầu ông Chanh Vúth T trả nợ mua hàng hóa. Ông T đang cư trú trên địa bàn thị xã T nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Trước khi phiên tòa được mở, ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Cho nên, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Việc giao kết, thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa:

Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, nguyên đơn trình bày, năm 2018, Công ty có bán phân bón cho ông T để ông T bán lại cho nông dân, tính đến ngày 17-11-2019, ông T còn nợ tiền mua bán phân bón là 55.100.000 đồng, hai bên có lập Biên bản đối chiếu công nợ ngày 17-11-2019 và xác định công nợ sẽ trả dứt điểm đến hết ngày 31-12-2019, biên bản đối chiếu công nợ có chữ ký, đóng dấu của đại diện bên A là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T1 và chữ ký, ghi họ tên đại diện bên B là ông Chanh Vúth T. Từ khi đến hạn trả nợ cho đến nay, ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, mặc dù, Công ty đã nhiều lần yêu cầu trả nợ.

Lời khai này của nguyên đơn phù hợp với nội dung Biên bản đối chiếu công nợ ngày 17-11-2019 có chữ ký, chữ viết đề họ tên ông Chanh Vúth T.

Bên cạnh đó, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án ban hành Thông báo số 12/2024/TB-TA ngày 18-3-2024 yêu cầu ông Chanh Vúth T cung cấp lời khai và giao nộp, bổ sung tài liệu, chứng cứ liên quan đến nội dung sự việc và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông T không thực hiện.

Vì vậy, có căn cứ xác định ông T có mua phân bón của Công ty, còn nợ lại 55.100.000 đồng và chưa thanh toán nợ.

[4] Việc yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo đơn khởi kiện, Công ty yêu cầu ông Chanh Vúth T trả số tiền nợ mua bán phân bón 55.100.000 đồng và lãi suất chậm trả tính từ ngày 11-7-2019 đến ngày 20-12-2023 với số tiền 45.917.000 đồng, tổng cộng 101.017.000 đồng; đồng thời, yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi Tòa án xét xử xong.

Tuy nhiên, trong giai đoạn xét xử và tại phiên tòa, Công ty thay đổi yêu cầu trả lãi của số nợ mua bán phân bón, yêu cầu bị đơn trả nợ gốc 55.100.000 đồng và trả lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền 10%/năm từ ngày 01-01-

2020 cho đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm; việc thay đổi này không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu trả lãi chậm thực hiện nghĩa vụ 10%/năm từ ngày 01-01-2020 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm, thấy rằng: Bị đơn ông Chanh Vúth T chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên nguyên đơn yêu cầu phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức 10%/năm là có cơ sở, phù hợp theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

Theo đó, tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả mà ông C1 Vúth Thi phải thanh toán tính từ ngày 01-01-2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (27-6-2024) là:

$$55.100.000 \text{ đồng} \times (10\%/365) \times 1639 \text{ ngày} = 24.742.164 \text{ đồng.}$$

Như vậy, tổng số nợ vốn, lãi mua bán phân bón mà ông Chanh Vúth T còn nợ nguyên đơn là 79.842.164 đồng.

Do ông Chanh Vúth T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Công ty khởi kiện yêu cầu ông T trả nợ gốc và yêu cầu trả lãi là phù hợp với quy định tại các Điều 430, 440, 357 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì vậy, buộc ông Chanh Vúth T có nghĩa vụ trả cho Công ty nợ mua bán phân bón 79.842.164 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 79.842.164 đồng nên phải chịu 3.992.108 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí; hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 357, 430, 440 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Các Điều 147, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T1.

Buộc ông Chanh Vúth T có trách nhiệm trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T1 số nợ mua bán phân bón 79.842.164 đồng (Bảy mươi chín triệu, tám trăm bốn mươi hai nghìn, một trăm sáu mươi bốn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn

yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Chanh Vúth T phải chịu 3.992.108 đồng (Ba triệu, chín trăm chín mươi hai nghìn, một trăm lẻ tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T1 số tiền 2.525.425 (Hai triệu, năm trăm hai mươi lăm nghìn, bốn trăm hai mươi lăm đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0010662 ngày 08 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên toà hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND thị xã Tịnh Biên (2);
- Chi cục THADS thị xã Tịnh Biên (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phí Thị Phương Nhung